

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23/4/2021

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Ông Nguyễn Văn Khóa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 225/2020/TLST-HNGĐ ngày 18/11/2020 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/3/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2021/QĐ-ST ngày 02/4/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Vũ Văn H**, sinh năm 1981. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị **Hoàng Thị Tr**, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn A, xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động tại : Đ, Đài Loan (Trung Quốc).

3. Người làm chứng:

3.1 Bà Phạm Thị O – sinh năm 1957. Có mặt.

3.2 Ông Hoàng Văn V – sinh năm 1960. Có mặt.

Đều ở địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện H tỉnh Hải Dương.

3.3 Chị Hoàng Thị D – Sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Th, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh **Vũ Văn H** trình bày: Anh và chị **Tr** tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương, ngày 22/02/2008. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc một thời gian. Do kinh tế khó khăn, năm 2009 anh sang Malaysia lao động, đến năm 2010 anh sang LiBi lao động, cuối năm 2011 anh về Việt Nam thì chị **Tr** đã sang Đài Loan (Trung Quốc) lao động. Đầu năm 2012 anh cũng sang Đài Loan (Trung Quốc) lao động, vợ chồng đoàn tụ ở cùng nhau, từ đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hòa hợp, quan điểm, lối sống của mỗi người

khác nhau nên thường hay cãi nhau. Tháng 8/2017 anh về Việt Nam đến đầu năm 2019 anh lại sang Đài Loan (Trung Quốc) lao động nhưng vợ chồng không chung sống cùng nhau, hai bên ít liên lạc. Tháng 02/2020 anh về Việt Nam, chị Trang thỉnh thoảng có gọi điện về nhưng hai bên thường xuyên cãi nhau, anh đã nhiều lần động viên để chị Tr về Việt Nam đoàn tụ, nhưng chị Tr không đồng ý. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Tr.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Vũ Hoàng Hải A, sinh ngày 23/10/2008, hiện đang ở với anh. Anh H đề nghị được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng anh có tài sản chung tại xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương nhưng anh không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này. Sau này khi chị Tr về Việt Nam, anh sẽ đề nghị giải quyết bằng vụ án khác.

Tại lời khai của ông Hoàng Văn V và bà Phạm Thị O là bố mẹ đẻ chị Trang xác định: Chị Tr hiện đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), địa chỉ cụ thể thì ông bà không biết, nhưng chị Tr thường xuyên liên lạc qua điện thoại với gia đình. Ông bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị Tr biết. Ông V cung cấp, vợ chồng chị Tr, anh H có thời gian sinh sống tại nước ngoài, không xảy ra mâu thuẫn. Do anh H lao động bất hợp pháp nên phải về Việt Nam trước, ở Việt Nam anh Hùng có quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ nữ khác nên mới làm đơn ly hôn. Sau khi nhận được văn bản tố tụng, ông bà đã thông báo cho chị Trang biết. Chị Trang có quan điểm không nhất trí ly hôn.

Ngày 29/12/2020 Tòa án đã nhận được đơn đề nghị của chị Tr gửi từ nước ngoài về và thông qua gia đình giao nộp cho Tòa án. Trong đơn chị Tr đề nghị: Do điều kiện dịch bệnh nên chưa về được Việt Nam, nên chị đề nghị Tòa án tạo điều kiện về thời gian để chị có mặt trực tiếp để giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh H. Việc anh H có đơn ly hôn chị là do anh H có quan hệ với người phụ nữ khác, nên chị không đồng ý ly hôn. Chị mong muốn con chị có đủ cả bố và mẹ.

Ngày 31/3/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận được đơn của bà Phạm Thị O là mẹ đẻ chị Tr. Trong đơn bà xác định chị Tr hiện không có mặt tại Việt Nam, nên không thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Hiện tại bà không liên lạc được với chị Tr, nên không biết ý kiến của chị Trang. Đề nghị Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng trực tiếp cho chị Tr. Ngày 01/4/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã có công văn trả lời đơn của bà Phạm Thị Oanh. Ngày 12/4/2021 bà O tiếp tục có đơn đề nghị dừng phiên tòa vì gia đình không thông báo và tổng đạt được văn bản tố tụng cho chị Tr, chờ khi nào chị Tr về Việt Nam mới giải quyết ly hôn.

Tòa án xác minh tại xã Th, huyện Th thể hiện: Chị Tr và anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương. Hiện tại chị Tr ở nước ngoài, không có mặt tại địa phương. Theo nắm bắt của địa phương cuộc sống vợ chồng giữa chị Tr, anh H mỗi người ở một nơi nên có xảy ra mâu

thuần, cụ thể thế nào địa phương không nắm bắt được. Nay anh H có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

Con chung của anh H, chị Tr là Vũ Hoàng Hải A có nguyện vọng được ở với anh Hùng, trong trường hợp bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh Vũ Văn H cung cấp 01 bức ảnh chụp từ tin nhắn điện thoại thể hiện cuộc hội thoại nói chuyện giữa chị Tr và anh H qua tin nhắn, hình ảnh chị Tr đứng với người đàn ông khác; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản photo). Anh H xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không có sự quan tâm đến nhau, chị Tr có quan hệ với người đàn ông khác. Do vậy anh giữ nguyên yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn, yêu cầu được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị Trang phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung gồm có: Quyền sử dụng đất diện tích 63m², thửa số 92, tờ bản đồ 22 xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 998148, do UBND huyện Th cấp ngày 06/4/2018 mang tên anh H, chị Trang; 01 nhà gắn liền với quyền sử dụng đất; tiền mặt 1.200.000.000đ (Một tỉ hai trăm triệu đồng); 01 xe máy Airblade biển kiểm soát 34B3 756.71 toàn bộ số tài sản trên anh H đang quản lý, nay vợ chồng ly hôn anh H không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về tài sản, sau này chị Tr về Việt Nam sẽ đề nghị giải quyết bằng vụ án khác. Về nợ chung không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bà O, ông V trình bày: Chị Tr hiện đang lao động ở Đài Loan (Trung Quốc), chị Tr xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm nên không nhất trí ly hôn, không muốn gia đình tan vỡ do vậy đề nghị Hội đồng xét xử dừng xét xử ly hôn để vợ chồng đoàn tụ hoặc chờ chị Tr về Việt Nam mới giải quyết. Hiện gia đình không liên lạc được với chị Tr. Về con chung, tài sản chung của vợ chồng, chị Tr không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng. Gia đình bà O, ông V xác định chị Tr và anh H vẫn còn tình cảm vợ chồng nên không nhất trí việc anh H ly hôn chị Tr.

Chị D (chị gái chị Tr) trình bày: Chị không liên lạc được với chị Tr, chị Tr cũng không ủy quyền cho chị để giải quyết việc phân chia tài sản chung giữa chị Tr và anh H. Việc mâu thuẫn giữa chị Tr và anh H thế nào chị không nắm bắt cụ thể.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS), bị đơn thực hiện chưa đúng quy định của BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị TAND tỉnh Hải Dương áp dụng Điều 56, 82, 83 Luật HN&GD năm 2014, Điều 147 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận cho anh Vũ Văn H được ly hôn chị Hoàng Thị Tr; Về con chung: Giao cháu Vũ Hoàng Hải A, sinh ngày 23/10/2008 cho anh Hùng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị Tr đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Anh Vũ Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn anh Vũ Văn H khởi kiện bị đơn chị Hoàng Thị Tr có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại thôn A, xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc) nhưng không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không cung cấp được địa chỉ của chị Tr ở nước ngoài. Chị Tr thường xuyên liên lạc điện thoại với gia đình. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã đề nghị người thân của chị Trang cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Sau khi nhận các văn bản tố tụng, gia đình đã thông báo cho chị Trang biết việc Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh H và chị Tr. Ngày 29/12/2020 chị Tr có đơn gửi về Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương trình bày quan điểm, không đồng ý ly hôn. Đề nghị Tòa án dừng việc giải quyết ly hôn để chờ khi nào chị về Việt Nam thì mới giải quyết. Thông qua gia đình chị Trang, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác nhưng bà Phạm Thị O (mẹ chị Tr) cho rằng không liên lạc được với chị Tr nên đề nghị Tòa án dừng phiên tòa chờ chị Tr về Việt Nam thì mới giải quyết. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai chị Tr vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa có mặt bà Phạm Thị O (mẹ đẻ), ông Hoàng Văn V (bố đẻ), chị Hoàng Thị D (chị gái) của chị Tr trình bày về quan hệ hôn nhân của chị Tr, anh H, ý kiến, quan điểm của gia đình về việc giải quyết vụ án, do vậy căn cứ Điều 77 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX chấp nhận đưa những người trên tham gia tố tụng với tư cách là Người làm chứng, đồng thời giải thích rõ quyền và nghĩa vụ người làm chứng tại phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn H và chị Hoàng Thị Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương ngày 22/02/2008 nên hôn của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hòa hợp, không có sự tin tưởng lẫn nhau, cả anh H và chị Tr đều có sự nghi ngờ lẫn nhau về quan hệ ngoài hôn nhân với người khác. Mặt khác do khó khăn kinh tế nên cả hai vợ chồng đều đi nước ngoài lao động nhưng không có sự gắn gũi, chia sẻ với nhau. Đầu năm 2020 anh H về Việt Nam, chị Tr ở Đài Loan (Trung Quốc), anh H đã nhiều lần khuyên chị Tr về Việt Nam để đoàn tụ nhưng chị Tr không đồng ý, từ đó mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng. Nay anh Hùng xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị Tr có quan điểm không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án tạo điều kiện về thời gian, để chị về Việt Nam giải quyết, tuy nhiên chị Trang không đưa ra được thời gian cụ thể về Việt Nam, không đưa ra biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ

chồng. Tại phiên tòa anh H cung cấp bức ảnh chụp tin nhắn qua mạng xã hội về việc nói chuyện đối thoại giữa chị Tr và anh H cũng như hình ảnh của chị Tr chụp hình thân mật với người khác, HĐXX xét thấy anh H cung cấp ảnh chụp tin nhắn qua mạng xã hội nhưng không xuất trình văn bản trình bày về xuất xứ tài liệu trên, căn cứ Điều 95 và 108 thì chứng cứ trên không có giá trị chứng minh. Tuy nhiên, thông qua các chứng cứ khác như quan điểm của chính quyền địa phương, của người làm chứng cũng như thực tế chị Tr anh H mỗi người ở một nơi, hai bên đều ghi ngờ, mất niềm tin vào nhau, không còn tình cảm vợ chồng nên đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng anh H, chị Tr đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Để bảo đảm ổn định cuộc sống của các bên, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, xử cho anh H ly hôn chị Trang là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Vũ Văn H và chị Hoàng Thị Tr có một con chung là Vũ Hoàng Hải A, sinh ngày 23/10/2008 hiện đang ở với anh H. Xét thực tế chị Tr đang ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi và nguyện vọng của các bên. HĐXX chấp nhận giao con chung cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng chính đáng của cháu Vũ Hoàng Hải A. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Hùng không yêu cầu chị Trang phải cấp dưỡng cho con. Nếu như có căn cứ cho rằng anh Hùng nuôi con không đảm bảo, ảnh hưởng đến quyền lợi của con chung thì chị Trang có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Theo anh H khai tại phiên tòa, vợ chồng không có nợ chung, về tài sản chung gồm có: Quyền sử dụng đất diện tích 63m², thửa số 92, tờ bản đồ 22 xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 998148, do UBND huyện Th cấp ngày 06/4/2018 mang tên anh H, chị Tr; 01 nhà gắn liền với quyền sử dụng đất; tiền mặt 1.200.000.000đ (Một tỉ hai trăm triệu đồng); 01 xe máy Airblade biển kiểm soát 34B3 756.71 hiện đang do anh H quản lý. Anh H không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản, chờ khi nào chị Tr về Việt Nam thì vợ chồng sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác. Chị Tr không có mặt ở Việt Nam, không ủy quyền cho ai giải quyết về tài sản và chưa có quan điểm gì về giải quyết tài sản. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết về tài sản chung của vợ chồng anh Hùng, chị Trang trong vụ án này. Về nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật và được xem xét giải quyết trong vụ án khác. Như vậy, quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự về mặt tài sản vẫn được đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh Vũ Văn H phải chịu án phí dân sự (về hôn nhân gia đình) sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Vũ Văn H** ly hôn chị **Hoàng Thị Tr.**

2. Về con chung: Giao cho anh Vũ Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Hoàng Hải A, sinh ngày 23/10/2008 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh Vũ Văn H không yêu cầu chị Hoàng Thị Tr phải cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở chị Hoàng Thị Tr thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Anh Vũ Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình). Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí, theo biên lai thu số AA/2018/0004784 ngày 18/11/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Chị Hoàng Thị Tr được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục T.H.A DS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã Th, huyện Th;
- UBND xã A, huyện Th;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân